

Số: /2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển văn hóa toàn diện cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp giai đoạn 2025-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số /TTr-SVHTTDL ngày tháng năm 2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số /BC-STP ngày tháng năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển văn hóa toàn diện cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển văn hóa toàn diện cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau được quy định chi tiết tại điểm a, khoản 4, Điều 2, Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp giai đoạn 2025-2030.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hướng dẫn, triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quy định chi tiết các tiêu chí, chỉ tiêu xét công nhận đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện cấp xã

1. Tiêu chí, chỉ tiêu xét công nhận đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện cấp xã thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Xã, phường được xét công nhận đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện khi đạt tất cả các tiêu chí, chỉ tiêu tương ứng quy định tại khoản 1 điều này.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa, nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định và các nguồn lực hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan triển khai hướng dẫn nội dung các tiêu chí 1.2.1, 1.3, 2.1, 2.2, 2.3, 2.5, 2.9, 3.1, 3.2, 3.3, 4.1, 4.2.1, 4.2.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 4.9, từ 5.1 đến 5.8, từ 6.1 đến 6.5, từ 7.1 đến 7.4, 8.1 đến 8.5, 9.1 đến 9.3 và 10.1.

c) Triển khai trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, thu hồi quyết định công nhận, mẫu bằng công nhận xã, phường đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện.

d) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ xét, công nhận và quyết định công nhận xã, phường đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức công bố xã, phường đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện.

đ) Hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí phát triển văn hóa toàn diện đã đạt được trên địa bàn tỉnh.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Phối hợp với các cơ quan có liên quan và chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện; tham gia tổ chức giám sát việc thực hiện Quyết định này; tăng cường vận động các nguồn lực xã hội đóng góp

vào việc hoàn thiện các tiêu chí theo đúng nguyên tắc tự nguyện và công khai, minh bạch.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan

a) Căn cứ tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện tại Quyết định này tuyên truyền, vận động và chỉ đạo theo hệ thống ngành đến cơ sở để phối hợp thực hiện. Đồng thời tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị.

b) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh liên quan triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 1.1.1.

c) Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh liên quan triển khai thực hiện nội dung các tiêu chí 1.1.2 và 2.4.1.

d) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh liên quan triển khai thực hiện nội dung các tiêu chí 1.1.3 và 2.4.3.

đ) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh liên quan triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 1.2.3.

e) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh liên quan triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 2.4.2.

f) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh liên quan triển khai thực hiện nội dung các tiêu chí 1.2.2, 2.6, 2.7, 2.8 và 4.8.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Căn cứ Quyết định này tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện tại địa phương.

b) Đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện cấp xã, có lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

c) Xây dựng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã, phường đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Điều 5. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2026.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong quy định có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo các văn bản hoặc quy định pháp luật mới ban hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-BTP;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các tổ chức Chính trị - Xã hội cấp tỉnh;
- Ban VHXXH HĐND tỉnh;
- UBND cấp xã;
- Báo và PT-TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục
TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN
PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TOÀN DIỆN CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu
1	Văn hóa ứng xử trong cộng đồng	1.1. Tỷ lệ cơ quan, tổ chức cấp xã ban hành và tổ chức triển khai quy chế hoặc nội quy văn hóa công vụ, ứng xử văn hóa.	1.1.1. Tỷ lệ cơ quan hành chính nhà nước cấp xã ban hành và tổ chức triển khai quy chế hoặc nội quy văn hóa công vụ, ứng xử văn hóa.	100% cơ quan hành chính nhà nước cấp xã ban hành và tổ chức triển khai quy chế hoặc nội quy văn hóa công vụ, ứng xử văn hóa.
			1.1.2. Có quy chế hoặc nội quy giao tiếp, ứng xử do cơ quan công an nhân dân cấp xã ban hành và tổ chức triển khai.	Đạt (Có ban hành quy chế, nội quy được niêm yết công khai và xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai hướng dẫn đối với các phòng, Công an các xã, phường và Đoàn Công an trong quá trình giao tiếp ứng xử đối đồng chí đồng đội và Nhân dân).
			1.1.3. Tỷ lệ cơ sở khám, chữa bệnh y tế trên địa bàn xã ban hành và tổ chức triển khai quy chế hoặc nội quy giao tiếp, ứng xử.	100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y tế trên địa bàn có ban hành Quy chế giao tiếp, ứng xử hoặc Nội quy giao tiếp, ứng xử phù hợp với Thông tư 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế.
		1.2. Xây dựng (trong trường hợp chưa có bộ quy tắc ứng xử) và triển khai các bộ	1.2.1. Triển khai các bộ quy tắc ứng xử trong gia đình,	Đạt (UBND cấp xã xây dựng kế hoạch triển khai bộ quy tắc ứng xử trong gia đình, không gian mạng, cộng

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		quy tắc ứng xử, phù hợp với đặc điểm địa phương và nguyên tắc bình đẳng giới trong các môi trường văn hóa. (Đáp ứng toàn bộ các tiêu chí 1.2.1-1.2.3)	không gian mạng, cộng đồng doanh nghiệp, cộng đồng dân cư (Xây dựng mới trong trường hợp chưa có bộ quy tắc ứng xử).
		1.2.2. Triển khai các bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường (xây dựng mới trong trường hợp chưa có bộ quy tắc ứng xử).	Đạt (- 100% các cơ sở giáo dục ban hành quy tắc ứng xử chi tiết của nhà giáo phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục theo Thông tư số 03/2026/TT BGDDT ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo. - Công khai các quy tắc ứng xử trên trang thông tin điện tử hoặc niêm yết tại bảng tin của cơ sở giáo dục; phổ biến quy tắc ứng xử đến cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhà giáo, người học và cha mẹ hoặc người giám hộ của người học; thường xuyên tuyên truyền, quán triệt thực hiện nội dung các quy tắc ứng xử; thiết lập kênh phản ánh hành vi ứng xử của nhà giáo bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin theo quy định).
		1.2.3. Triển khai các bộ quy tắc ứng xử trong văn hóa tiêu dùng (xây dựng mới trong trường hợp	Đạt (- Công tác triển khai: UBND cấp xã có ban hành kế hoạch/văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Bộ quy tắc ứng xử trong văn hóa tiêu dùng trên địa bàn.

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu
			chưa có bộ quy tắc ứng xử).	- Công tác tuyên truyền: 100% các ấp, khóm tuyên truyền, phổ biến Bộ quy tắc ứng xử trong văn hóa tiêu dùng đến các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tiểu thương tại các chợ, trung tâm thương mại trên địa bàn (hình thức tuyên truyền thông qua hệ thống phát thanh nội bộ, hội nghị, sinh hoạt cộng đồng hoặc trang, nhóm thông tin số của địa phương). - Cam kết và thực hiện: Có từ 90% trở lên các cơ sở sản xuất, kinh doanh, tiểu thương kinh doanh cố định tại các chợ, điểm kinh doanh thương mại trên địa bàn cấp xã ký cam kết hoặc thực hiện niêm yết các quy tắc ứng xử trong văn hóa tiêu dùng, văn minh thương mại).
		1.3. Tỷ lệ hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư được hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện (công nhận mới, sửa đổi, bổ sung)¹ có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình trong thời kỳ mới.		- 100% hương ước, quy ước được hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư theo quy định tại Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Cà Mau. - Hương ước, quy ước phải có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình trong thời kỳ mới. - UBND cấp xã có ban hành kế hoạch/văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình trong thời kỳ mới trên địa bàn.

¹ Theo pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
			- 100% các ấp, khóm tuyên truyền, phổ biến nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình trong thời kỳ mới đến các hộ gia đình trên địa bàn (hình thức tuyên truyền thông qua hệ thống phát thanh nội bộ, hội nghị, sinh hoạt cộng đồng hoặc trang, nhóm thông tin số của địa phương).
2	Thông tin, truyền thông, giáo dục văn hóa	2.1. Tỷ lệ hộ gia đình được cung cấp thông tin, kiến thức về văn hóa ứng xử, kỹ năng giáo dục đạo đức, lối sống, tình yêu thương, truyền thống dân tộc và các giá trị văn hóa tốt đẹp; phòng ngừa rủi ro, tệ nạn xã hội, bạo lực trong gia đình.	85% hộ gia đình được cung cấp thông tin, kiến thức về văn hóa ứng xử, kỹ năng giáo dục đạo đức, lối sống, tình yêu thương, truyền thống dân tộc và các giá trị văn hóa tốt đẹp; phòng ngừa rủi ro, tệ nạn xã hội, bạo lực trong gia đình.
		2.2. Có mô hình cấp xã về truyền thông, giáo dục xây dựng gia đình hạnh phúc.	Đạt (Xã, phường có một trong các mô hình như: hỗ trợ gia đình thực hiện bình đẳng giới; phòng, chống bạo lực gia đình; các mô hình tư vấn, giáo dục về hôn nhân gia đình cho thanh niên trước khi kết hôn. Mô hình phải có Quyết định thành lập, quy chế hoạt động do cấp xã ban hành).
		2.3. Tỷ lệ nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn được giáo dục, tư vấn về hôn nhân gia đình, kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc.	90% nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn được giáo dục, tư vấn về hôn nhân gia đình, kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc.
		2.4. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hành kỹ năng sống cho người dân trên địa bàn. (Đáp ứng toàn bộ các tiêu chí 2.4.1-2.4.2. Tổ chức	Đạt (UBND cấp xã ban hành kế hoạch tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hành kỹ năng ứng phó với hỏa hoạn tối thiểu 01 lớp/năm). Đạt

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		2.4.3) phổ biến, hướng dẫn thực hành kỹ năng ứng phó với thiên tai, thảm họa môi trường. 2.4.3. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hành kỹ năng ứng phó với dịch bệnh.	(Hàng năm, UBND cấp xã ban hành kế hoạch tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn hoặc thực hành, diễn tập kỹ năng phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, thảm họa môi trường phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tổ chức thực hành, diễn tập phương án ứng phó phù hợp với từng địa bàn, đối tượng và loại hình thiên tai mỗi năm tối thiểu tổ chức 01 lần). Đạt (Hàng năm, UBND cấp xã tổ chức ít nhất 01 hoạt động phổ biến, hướng dẫn và thực hành kỹ năng ứng phó với dịch bệnh cho người dân trên địa bàn; nội dung phù hợp với nguy cơ dịch bệnh và tình hình thực tế của địa phương. Đối tượng thực hiện là Trạm Y tế xã, phường trên địa bàn; Đối tượng hưởng lợi là người dân cư trú trên địa bàn xã, phường; ưu tiên người thuộc nhóm nguy cơ, hộ gia đình tại khu vực có nguy cơ dịch bệnh, người cao tuổi, trẻ em, người chăm sóc người bệnh và các nhóm có nguy cơ khác theo tình hình dịch tễ địa phương)
		2.5. Tỷ lệ người dân được tuyên truyền về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước, tấm gương điển hình ² , những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, giá trị cộng đồng, giá trị tích cực của tín ngưỡng, tôn giáo.	100% (UBND cấp xã xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình tuyên truyền, học tập ngoại khóa để tìm hiểu về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước, tấm gương điển hình, những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam,

² Trong lao động và xây dựng Tổ quốc.

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
			giá trị cộng đồng, giá trị tích cực của tín ngưỡng, tôn giáo).
		2.6. Tỷ lệ học sinh, sinh viên trong cơ sở giáo dục trên địa bàn được tham gia các hoạt động giáo dục nghệ thuật ³ .	100% (Cơ sở giáo dục xây dựng Kế hoạch hoặc công văn triển khai thực hiện tham gia các hoạt động giáo dục nghệ thuật. Có báo cáo kết quả thực hiện, hình ảnh hoặc video clip tham gia).
		2.7. Tỷ lệ học sinh, sinh viên trong cơ sở giáo dục trên địa bàn được tham gia hoạt động giáo dục di sản văn hóa gắn với tham quan, trải nghiệm tại các địa điểm di sản văn hóa trên địa bàn hoặc khu vực lân cận.	100% (Cơ sở giáo dục xây dựng Kế hoạch hoặc công văn phối hợp triển khai thực hiện tham gia hoạt động giáo dục di sản văn hóa gắn với tham quan, trải nghiệm tại các địa điểm di sản văn hóa trên địa bàn hoặc khu vực lân cận. Có báo cáo kết quả thực hiện, hình ảnh hoặc video clip tham gia).
		2.8. Tỷ lệ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học trong cơ sở giáo dục trên địa bàn quản lý được phổ biến, bồi dưỡng kiến thức về văn hóa ứng xử, xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, hạnh phúc ⁴ .	100% (Cơ sở giáo dục xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng và văn hóa truyền thống của dân tộc; phòng chống bạo lực học đường; phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông).
		2.9. Tỷ lệ hộ gia đình trong xã có một trong các thiết bị gồm: máy thu thanh, thu hình (TV), máy tính hoặc điện thoại thông minh (smartphone)	90% hộ gia đình trong xã có một trong các thiết bị gồm: máy thu thanh, thu hình (TV), máy tính hoặc điện thoại thông minh

³ Trong và ngoài nhà trường, tại các thiết chế văn hóa cơ sở, thiết chế văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn hoặc khu vực lân cận.

⁴ Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng và văn hóa truyền thống của dân tộc; phòng chống bạo lực học đường; phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		có thể thu, xem các chương trình phát thanh, truyền hình thiết yếu Trung ương và địa phương tại nơi sinh sống.	(smartphone) có thể thu, xem các chương trình phát thanh, truyền hình thiết yếu Trung ương và địa phương tại nơi sinh sống.
3	Phòng, chống bạo lực gia đình	3.1. Tỷ lệ vụ việc bạo lực gia đình hàng năm được phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật.	95% vụ việc bạo lực gia đình hàng năm được phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật. (UBND cấp xã xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác gia đình và phòng chống bạo lực gia đình. Có thành lập các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định. Báo cáo việc thu thập thông tin về gia đình và phòng chống bạo lực gia đình hàng năm theo quy định).
		3.2. Có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.	Đạt khi đảm bảo các nội dung sau: - Xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo cấp xã triển khai mô hình phòng, chống bạo lực gia đình. - Hàng năm tổ chức thu thập thông tin về bạo lực gia đình. - 100% ấp, khóm có thành lập Câu lạc bộ xây dựng gia đình phát triển bền vững hoạt động hiệu quả - 100% ấp, khóm có thành lập Nhóm phòng, chống bạo lực gia đình. - Mỗi ấp, khóm có ít nhất 01 địa chỉ tin cậy đăng ký hoạt động.
		3.3. Tỷ lệ người bị bạo lực gia đình khi phát hiện được tiếp cận, hỗ trợ nhu cầu thiết yếu ⁵	100% người bị bạo lực gia đình khi phát hiện được tiếp cận, hỗ trợ nhu cầu thiết yếu như: Ăn, mặc, ở, học

⁵ Ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình.

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
			tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác.
4	Cơ sở vật chất văn hóa cơ sở	4.1. Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đạt chuẩn ⁶ .	Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã được xác định đạt chuẩn khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: - Vị trí, quy hoạch và điều kiện tiếp cận: Được quy hoạch, xây dựng tại vị trí trung tâm, tách biệt với trụ sở cơ quan hành chính; thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí; bảo đảm người dân trong vùng dễ dàng tiếp cận và sử dụng. - Thiết kế có kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương và không gian văn hóa truyền thống; có quy mô xây dựng, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị và hệ thống các phòng chức năng đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của thiết chế văn hóa, thể thao. - Diện tích xây dựng phải bảo đảm đảm bảo theo quy định tại nội dung 4.6 QCVN 01:2026/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch đô thị và nông thôn ban hành kèm theo Thông tư số 46/2026/TT-BXD ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (sau đây gọi tắt QCVN 01:2026/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 46/2026/TT-BXD). - Công trình chức năng bắt buộc: Có hội trường đa năng và các

⁶ Đáp ứng các yêu cầu về số lượng, vị trí, diện tích mặt bằng được sử dụng, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, nhân sự quản lý, cộng tác viên, tỷ lệ lấp đầy...theo quy định. Có biện pháp về cảnh quan, không gian, kiến trúc mang bản sắc văn hóa dân tộc, đảm bảo tính gần gũi, thân thuộc, phù hợp lối sống, sinh hoạt, phong tục tập quán địa phương. Tại các khu vực thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai, có cơ sở vật chất, biện pháp kết hợp chức năng sơ tán, tránh trú nhằm bảo đảm an toàn cho người dân.

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
			phòng chức năng cơ bản như: hành chính; văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền lưu động; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; phòng tập các môn thể thao đơn giản. Có ít nhất 01 công trình thể dục, thể thao như sân vận động, nhà tập luyện thể thao, bể bơi hoặc hồ bơi và các sân thể thao đơn giản khác; có hệ thống công trình phụ trợ thiết yếu như: công trình vệ sinh, cấp nước, khu để xe, vườn hoa, cây xanh đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. - Có trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, nghệ thuật và thể dục thể thao gồm: âm thanh, ánh sáng, phong, màn sân khấu, khánh tiết, bàn ghế, nhạc cụ, đạo cụ, phục trang biểu diễn; các công cụ, kỹ thuật số giúp sáng tạo, lưu trữ, phát hành và quảng bá sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, truyền thông trên môi trường số; dụng cụ, thiết bị tập luyện thể dục, thể thao chuyên dùng trong nhà và ngoài trời đảm bảo theo công trình và từng môn thể thao; dụng cụ vui chơi giải trí cho trẻ em gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa cơ sở, các ấp, khóm và các thiết bị cần thiết khác theo điều kiện thực tế.
		4.2. Tỷ lệ thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương có không gian sinh hoạt văn hóa, thể thao cộng đồng, có trang thiết bị hoạt động,	4.2.1. Tỷ lệ thôn, làng, ấp, bản và tương đương có Nhà văn hóa - Khu thể thao (trong đó có 70% đạt - 100% ấp, khóm có Nhà văn hóa - Khu thể thao, trong đó tối thiểu 70% đạt chuẩn. - Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp, khóm đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		phương tiện chuyên dụng, có quy chế hoạt động bền vững, hiệu quả. (Đáp ứng toàn bộ các tiêu chí 4.2.1-4.2.2)	trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn. Diện tích xây dựng phải bảo đảm đảm bảo theo quy định tại nội dung 4.6 QCVN 01:2026/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 46/2026/TT-BXD.
		4.2.2. Tỷ lệ khu đô thị mới có Nhà văn hóa - Khu thể thao (trong đó 100% đạt chuẩn) ⁸ .	- 100% khu đô thị mới có Nhà văn hóa - Khu thể thao, trong đó 100% đạt chuẩn. - Nhà văn hóa – Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn. Diện tích xây dựng phải bảo đảm đảm bảo theo quy định tại nội dung 4.6 QCVN 01:2026/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 46/2026/TT-BXD.
		4.3. Tỷ lệ thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương có điểm sinh hoạt công cộng được lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em.	80% ấp, khóm có điểm sinh hoạt công cộng được lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em được quản lý, khai thác và vận hành hiệu quả.
		4.4. Có thư viện cấp xã đạt chuẩn ⁹ .	- Thư viện công cộng cấp xã bảo

⁷ Đáp ứng các yêu cầu về vị trí, diện tích mặt bằng được sử dụng, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, mô hình quản lý, tỷ lệ lấp đầy...theo quy định. Có biện pháp về cảnh quan, không gian, kiến trúc mang bản sắc văn hóa dân tộc, đảm bảo tính gần gũi, thân thuộc, phù hợp lối sống, sinh hoạt, phong tục tập quán địa phương. Tại các khu vực thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai, có cơ sở vật chất, biện pháp kết hợp chức năng sơ tán, tránh trú nhằm bảo đảm an toàn cho người dân.

⁸ Đáp ứng các yêu cầu về vị trí, diện tích mặt bằng được sử dụng, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, nhân sự,...theo quy định.

⁹ Đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định pháp luật về thư viện; điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số hoạt động thư viện, tiện ích thư viện, nhân lực, tài nguyên thông tin; có

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
			đảm các điều kiện theo quy định của Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Diện tích bảo đảm không thấp hơn quy định tại nội dung 4.6 QCVN 01:2026/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 46/2026/TT-BXD, đáp ứng yêu cầu về bảo quản tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ, kho, phòng chuyên môn, nghiệp vụ và khu vệ sinh. - Tổ chức phục vụ nhu cầu của người dân: tối thiểu 03 ngày/tuần; Tổ chức các hoạt động truyền thông thư viện và phát triển văn hóa đọc: tối thiểu 04 hoạt động/năm đối với phường, tối thiểu 03 hoạt động/năm đối với xã; Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện; kết nối, liên thông với thư viện công cộng cấp tỉnh; Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và các thiết chế văn hóa, giáo dục khác trên địa bàn tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân tại cơ sở.
		4.5. Tỷ lệ thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương có mô hình thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc không gian đọc, phòng đọc cơ sở.	75% ấp, khóm có mô hình thư viện cộng đồng hoặc thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc không gian đọc, phòng đọc cơ sở đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 93/2020/NĐ-

khả năng kết nối, liên thông với thư viện cấp tỉnh trong cung ứng sản phẩm và dịch vụ phục vụ người sử dụng; tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng.....

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
			CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.
		4.6. Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn ¹⁰ phục vụ người lao động của các khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp trên địa bàn.	100% các khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp trên địa bàn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn theo quy định tại điểm 4.1 phụ lục này.
		4.7. Có công viên, quảng trường hoặc sân vận động gắn với điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em, người cao tuổi, thanh niên ¹¹ .	Đạt (Có điểm vui chơi, giải trí và thể thao công cộng được lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời phù hợp với địa phương và lứa tuổi, có nội dung hoạt động chống đuối nước; được quản lý, khai thác và vận hành hiệu quả.)
		4.8. Tỷ lệ cơ sở giáo dục trên địa bàn có thư viện (có đầu sách đa dạng, thiết bị phù hợp), sân chơi, bãi tập, nhà đa năng, hệ thống phòng học cho các môn học âm nhạc, mỹ thuật, nghệ thuật, không gian tổ chức hoạt động trải nghiệm văn hóa địa phương.	- 90% cơ sở giáo dục trên địa bàn có thư viện, trong đó có 50% thư viện đạt chuẩn theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. - 90% các cơ sở giáo dục có sân chơi, bãi tập, nhà đa năng đảm bảo các quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung

¹⁰ 0 Đáp ứng các yêu cầu về số lượng, vị trí, diện tích mặt bằng được sử dụng, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, nhân sự quản lý, cộng tác viên, tỷ lệ lấp đầy...theo quy định. Có biện pháp về cảnh quan, không gian, kiến trúc mang bản sắc văn hóa dân tộc, đảm bảo tính gần gũi, thân thuộc, phù hợp lối sống, sinh hoạt, phong tục tập quán địa phương, cơ sở vật chất đảm bảo khả năng tiếp cận cho người khuyết tật. Tại các khu vực thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai, có cơ sở vật chất, biện pháp kết hợp chức năng sơ tán, tránh trú nhằm bảo đảm an toàn cho người dân.

¹¹ Điểm vui chơi, giải trí và thể thao công cộng được lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời đơn giản, thiết bị vui chơi, giải trí, tác phẩm mỹ thuật công cộng trang trí không gian, cảnh quan, có nội dung hoạt động chống đuối nước.

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
			học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. - 90% cơ sở giáo dục có hệ thống phòng học cho các môn học âm nhạc, mỹ thuật, nghệ thuật, không gian tổ chức hoạt động trải nghiệm văn hóa địa phương đảm bảo quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-BGDĐT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
		4.9. Tỷ lệ cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng mới trên địa bàn có không gian nghệ thuật công cộng trong hoặc ngoài khuôn viên.	40%
5	Hoạt động văn hóa cơ sở	5.1. Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã có quy chế quản lý và vận hành hiệu quả; tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao thường xuyên đáp ứng nhu cầu người dân trên địa bàn.	Đạt khi đảm bảo các tiêu chí: - Có quyết định thành lập, quy chế hoạt động và vận hành hiệu quả được cấp có thẩm quyền ban hành. - Hàng năm, tổ chức hoặc tham gia tối thiểu từ 06 đến 08 hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động, thể dục, thể thao đối với phường; tổ chức hoặc tham gia tối thiểu từ 05 đến 07 hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động, thể dục, thể thao đối với xã. - Có từ 02 đến 04 đội, câu lạc bộ, nhóm sở thích (sau đây gọi chung là câu lạc bộ) được thành lập và hoạt động thường xuyên. - Có mô hình hoạt động thể thao

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
			tiêu biểu, thu hút đông đảo người dân thường trú trên địa bàn tham gia.
		5.2. Tỷ lệ thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương có ít nhất 01 đội, nhóm, câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể hoạt động thường xuyên, có chất lượng.	70% ấp, khóm có ít nhất 01 đội, nhóm, câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể được cấp có thẩm quyền công nhận và được hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, được đầu tư trang thiết bị hoạt động phù hợp với loại hình hoạt động và hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn hợp pháp, hoạt động thường xuyên, có chất lượng.
		5.3. Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.	45%
		5.4. Tỷ lệ số hộ gia đình luyện tập thể dục, thể thao.	35%
		5.5. Có mô hình văn hoá cơ sở phù hợp với điều kiện, phong tục, tập quán của địa phương ¹² .	Đạt (có quyết định thành lập và quy chế hoạt động các mô hình như: mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hoá đặc thù, bảo tồn giá trị văn hoá phi vật thể; mô hình di sản văn hóa gắn với các hành trình du lịch di sản văn hóa phát triển cộng đồng; các tác phẩm mới lấy cảm hứng từ văn hóa dân tộc thiểu số, mô hình nghề thủ công... Đối với xã, phường có đồng bào dân tộc thiểu số, có mô hình văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn).
		5.6. Tỷ lệ lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng, tổ chức đáp ứng điều kiện về môi	100%

¹² Bao gồm: mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hoá đặc thù, bảo tồn giá trị văn hoá phi vật thể; mô hình di sản văn hóa gắn với các hành trình du lịch di sản văn hóa phát triển cộng đồng; các tác phẩm mới lấy cảm hứng từ văn hóa dân tộc thiểu số, mô hình nghề thủ công... Đối với xã, phường, đặc khu thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, có mô hình văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn.

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		trường văn hóa, hướng tới phát triển du lịch.	
		5.7. Thường xuyên tổ chức các buổi chiếu phim công cộng phục vụ cộng đồng dân cư. ¹³	Đạt (thường xuyên chiếu phim phục vụ vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn; phục vụ trẻ em, lực lượng vũ trang và nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại, giáo dục khác).
		5.8. Có mô hình về nâng cao nhận thức về pháp luật cho con người Việt Nam, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.	Đạt khi đảm bảo các nội dung sau: - Có quyết định thành lập, quy chế hoạt động mô hình. - Triển khai thực hiện hiệu quả các tiêu chí quy định về xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. - Xã, phường được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.
6	Di sản văn hóa	6.1. Tỷ lệ di tích cấp quốc gia trở lên ¹⁴ trên địa bàn (nếu có) hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.	100% di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn phải hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Điều 34); Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng

¹³ Phục vụ vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn; phục vụ trẻ em, lực lượng vũ trang và nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại, giáo dục khác

¹⁴ Các di sản đã được UNESCO ghi danh, di tích quốc gia đặc biệt hoặc cụm di tích quốc gia tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý, có mối quan hệ mật thiết về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ.

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu
				cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định 208/2025/NĐ-CP).
		6.2. Tỷ lệ di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đáp ứng theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các điều kiện về môi trường ¹⁵ .	6.2.1. Tỷ lệ di tích cấp quốc gia đặc biệt.	95% tỷ lệ di tích cấp quốc gia đặc biệt trên địa bàn (nếu có) được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đáp ứng theo quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Điều 35 và Điều 36), Nghị định số 208/2025/NĐ-CP, Thông tư số 06/2025/TT-BVHTTDL ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2025/TT-BVHTTDL).
			6.2.2. Tỷ lệ di tích cấp quốc gia.	70% tỷ lệ di tích cấp quốc gia trên địa bàn được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đáp ứng theo quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Điều 35 và Điều 36), Nghị định số 208/2025/NĐ-CP, Thông tư số 06/2025/TT-BVHTTDL.
		6.3. Tỷ lệ di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) có chương trình giáo dục di sản văn hóa.		100% di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) có chương trình giáo dục di sản văn hóa: - Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình tuyên truyền, học tập ngoại khoá để tìm hiểu giá trị về di sản văn hóa vật thể; di sản văn hóa

¹⁵ Không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học; đối với danh lam thắng cảnh, được điều tra thông tin về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và đề xuất nhu cầu thích ứng, biện pháp ứng phó biến đổi khí hậu.

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
			phi vật thể, di sản tư liệu; giá trị của các di tích lịch sử - Văn hóa, danh lam thắng cảnh, về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. - Thực hiện các chương trình trải nghiệm tìm hiểu về văn hóa, lịch sử địa phương.
		6.4. Định kỳ hàng năm, cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa trên địa bàn trên địa bàn (nếu có) được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.	Đạt (Hàng năm UBND cấp xã ban hành kế hoạch tập huấn, hướng dẫn đối với cộng đồng, chủ sở hữu di sản trên địa bàn tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tối thiểu 01 lần/năm).
		6.5. Định kỳ hàng năm, di sản văn hóa phi vật thể của địa phương (nếu có) được thực hiện, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng, với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản.	Đạt (Hàng năm UBND cấp xã ban hành kế hoạch tập huấn, hướng dẫn, truyền dạy cho di sản văn hóa phi vật thể của địa phương (nếu có) tối thiểu 01 lần/năm).
7	Chuyển đổi số, dữ liệu số	7.1. Hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật của UBND cấp xã được tin học hóa, chuyển đổi số. 7.2. Các cơ sở dữ liệu văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa do UBND cấp xã quản lý được số hóa, chuẩn hóa và kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu của UBND cấp tỉnh hoặc hệ thống chuyên ngành của Bộ VHTTDL thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.	Đạt (90% hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật của UBND cấp xã được tin học hóa, chuyển đổi số). Đạt khi đảm bảo các nội dung sau: - 100% các cơ sở dữ liệu văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa do UBND cấp xã quản lý được số hóa, chuẩn hóa và kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu cấp tỉnh. - Có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
			thông hoạt động và 100% áp, khóm có cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động.
		7.3. Thư viện cấp xã thực hiện số hóa, liên thông và quản lý thông qua hệ thống quản lý thông tin của UBND cấp tỉnh hoặc hệ thống thư viện số quốc gia của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt (Thư viện cấp xã đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện số hóa, liên thông kết nối, liên thông với thư viện tỉnh).
		7.4. Tỷ lệ các đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn xã được tin học hóa, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ.	100% các đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn xã được tin học hóa, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ.
8	Nhân lực quản lý văn hóa	8.1. Tỷ lệ cán bộ nghiệp vụ, công tác viên, người tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ ¹⁶ .	100% (Hàng năm, cấp xã phải bảo đảm cán bộ thuộc đối tượng được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ít nhất 01 lần/năm; trường hợp cấp tỉnh tổ chức tập huấn thì cử cán bộ tham gia đầy đủ; trường hợp cấp tỉnh không tổ chức thì cấp xã chủ động tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tập huấn theo nội dung, yêu cầu chuyên môn phù hợp).
		8.2. Tỷ lệ người quản lý trực tiếp di sản văn hóa trên địa bàn xã được tập huấn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.	100% (Hàng năm, cấp xã phải bảo đảm cán bộ thuộc đối tượng được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ít nhất 01 lần/năm; trường hợp cấp tỉnh tổ chức tập huấn thì cử cán bộ tham gia đầy đủ; trường hợp cấp tỉnh không tổ chức thì cấp xã chủ động tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tập huấn theo nội dung, yêu cầu chuyên môn phù hợp).

¹⁶ Bao gồm cả năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số, ngoại ngữ, tổ chức hoạt động quần chúng.

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		8.3. Tỷ lệ thư viện cộng đồng có người làm công tác thư viện được đào tạo lại, cập nhật các kiến thức, kỹ năng vận hành thư viện hiện đại.	90% (Hàng năm, cấp xã phải bảo đảm cán bộ thuộc đối tượng được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ít nhất 01 lần/năm; trường hợp cấp tỉnh tổ chức tập huấn thì cử cán bộ tham gia đầy đủ; trường hợp cấp tỉnh không tổ chức thì cấp xã chủ động tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tập huấn theo nội dung, yêu cầu chuyên môn phù hợp).
		8.4. Định kỳ hàng năm bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực hướng dẫn tập luyện, tổ chức các hoạt động thể thao phong trào phục vụ cộng đồng dân cư cho cán bộ phụ trách và cộng tác viên thể dục, thể thao cơ sở trên địa bàn.	Đạt (Hàng năm cấp xã ban hành kế hoạch tập huấn, hướng dẫn ít nhất 01 lần/năm).
		8.5. Tỷ lệ cán bộ làm công tác văn hóa - xã hội cấp xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tập huấn chuyên sâu, nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn về công tác gia đình.	100% (Hàng năm cấp xã ban hành kế hoạch tập huấn, hướng dẫn ít nhất 01 lần/năm).
9	Phát triển công nghiệp văn hóa	9.1. Có làng nghề truyền thống trên địa bàn chuyển đổi, phát triển theo định hướng công nghiệp văn hóa, sáng tạo, kết hợp phát triển du lịch.	Đạt (có làng nghề/làng nghề truyền thống được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo pháp luật chuyên ngành; Triển khai có hiệu quả Chương trình “ <i>Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)</i> ” gắn với hoạt động truyền thông sản phẩm công nghiệp văn hóa của địa phương. Thực hiện sưu tầm, thu thập, bảo tồn bí quyết, công nghệ cổ truyền tinh xảo, độc đáo, các mẫu hoa văn truyền thống trên các sản phẩm thủ công mỹ nghệ có hướng đổi mới, hiện đại, công nghệ tiên tiến phù hợp với sản

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
			xuất tại làng nghề).
		9.2. Có thương hiệu, doanh nghiệp, sản phẩm công nghiệp văn hóa tiêu biểu của địa phương (nếu có) được hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại.	Đạt (Xây dựng kế hoạch gắn kết các sản phẩm công nghiệp văn hóa với hàng hóa, dịch vụ khác để gia tăng giá trị thương mại và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường; Kết nối các doanh nghiệp sản xuất với các kênh phân phối trực tiếp và trên nền tảng số để quảng bá và tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp văn hóa của tỉnh ra thị trường trong nước và nước ngoài).
		9.3. Có mạng lưới không gian nghệ thuật công cộng với các hoạt động hỗ trợ nghệ sĩ và cộng đồng thực hành sáng tạo tại địa phương ¹⁷ .	Đạt (Tạo cơ hội cho các nghệ sĩ sáng tạo, trình bày tác phẩm, nâng cao tính thẩm mỹ của địa phương; Số hóa các di sản văn hóa, tư liệu văn hóa, nghệ thuật, hình thành cơ sở dữ liệu của tỉnh về công nghiệp văn hóa để các nghệ nhân, nghệ sĩ, người làm sáng tạo thực hiện ý tưởng sáng tạo dựa trên các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần lan tỏa sự yêu thích văn hóa Cà Mau).
10	Nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình	10.1. Tỷ lệ cán bộ chuyên trách quản lý, điều phối thực hiện Chương trình cấp xã, cán bộ trong hệ thống chính trị cấp xã tham gia thực hiện Chương trình được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức quản lý, điều phối thực hiện Chương trình.	100% (Hàng năm cấp xã cử cán bộ chuyên trách quản lý, điều phối thực hiện Chương trình cấp xã, cán bộ trong hệ thống chính trị cấp xã tham gia thực hiện Chương trình được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức quản lý, điều phối thực hiện Chương trình do cấp tỉnh tổ chức).

¹⁷ Tạo cơ hội cho các nghệ sĩ sáng tạo, trình bày tác phẩm, nâng cao tính thẩm mỹ của địa phương. Khuyến khích các hình thức xã hội hóa.